

cấp cho Quỹ Hỗ trợ phát triển để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đúng quy định tại Thông tư số 43/2000/TT-BTC ngày 23/5/2000 của Bộ Tài chính;

- Hàng năm, có trách nhiệm báo cáo kết quả chuyển vốn vay và tình hình thu hồi nợ vay trình Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh về Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

QUYẾT ĐỊNH số 94/2001/QĐ-BTC ngày 01/10/2001 về việc sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục Nhóm hàng chịu thuế

ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Sau khi tham khảo ý kiến tham gia của các Bộ, ngành có liên quan và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tên và mức thuế suất của một số nhóm mặt hàng quy định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 1803/1998/QĐ-BTC ngày 11/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Danh mục Sửa đổi, bổ sung tên và mức thuế suất của một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo các Quyết định số 67/1999/QĐ-BTC ngày 24/6/1999; Quyết định số 91/2000/QĐ-BTC ngày 02/6/2000; Quyết định số 193/2000/QĐ-BTC ngày 05/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành tên và mức thuế suất mới quy định tại Danh mục Sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất thuế nhập khẩu của một số mặt hàng trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2001. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

**DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÊN VÀ THUẾ SUẤT CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG
TRONG BIỂU THUẾ THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**

(ban hành kèm theo Quyết định số 94/2001/QĐ-BTC ngày 01/10/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Mã số		Mô tả nhóm mặt hàng	Thuế suất (%)
Nhóm	Phân nhóm		
0511		Các sản phẩm động vật khác chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; động vật thuộc Chương 1 hoặc Chương 3 đã chết, không dùng làm thực phẩm cho người	
0511	10 00	- Tinh dịch trâu, bò - Loại khác:	0
0511	91	-- Sản phẩm từ cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm, động vật không xương sống sống dưới nước khác; động vật thuộc Chương 3 đã chết:	
0511	91 10	--- Động vật thuộc Chương 3 đã chết	5
0511	91 90	--- Loại khác	5
0511	99	-- Loại khác:	
0511	99 10	--- Trứng tằm	0
0511	99 90	--- Loại khác	5
1005		Ngô	
1005	10 00	- Ngô giống	0
1005	90 00	- Loại khác	7
1006		Lúa gạo	
1006	10	- Thóc:	
1006	10 10	-- Để làm giống	0
1006	10 90	-- Loại khác	40
1006	20 00	- Gạo lứt (gạo vàng)	40
1006	30 00	- Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã chưa chuội hạt hoặc đánh bóng hạt hoặc hồ	40
1006	40 00	- Tăm	40
1201	00	Đậu tương hạt hoặc mảnh	
1201	00 10	- Phù hợp để làm giống	0

09659321

1201	00	90	- Loại khác	15
2401			Thuốc lá lá chưa chế biến; phế liệu thuốc lá lá	
2401	10	00	- Thuốc lá lá chưa tước cọng	30
2401	20	00	- Thuốc lá lá đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ	30
2401	30		- Phế liệu thuốc lá lá:	
2401	30	10	-- Cọng thuốc lá	15
2401	30	90	-- Loại khác	30
3808			Thuốc trừ sâu, thuốc diệt loài gặm nhấm, thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ, chất chống nảy mầm và thuốc điều chỉnh sinh trưởng của cây trồng, thuốc khử trùng và các loại tương tự, đóng gói để bán lẻ, hoặc như các chế phẩm hoặc sản phẩm tương tự (Ví dụ: băng, bác và nền đã xử lý lưu huỳnh và giấy bẫy ruồi).	
3808	10		- Thuốc trừ sâu: -- Chế phẩm trung gian là nguyên liệu để sản xuất thuốc trừ sâu:	
3808	10	11	--- BPMC (FENOBUCARB)	7
3808	10	19	--- Loại khác -- Loại khác:	0
3808	10	91	--- Thuốc diệt côn trùng dạng bình xịt	10
3808	10	99	--- Loại khác	3
3808	20		- Thuốc diệt nấm:	
3808	20	10	-- Validamycin có hàm lượng đến 3%	3
3808	20	90	-- Loại khác	1
3808	30		- Thuốc diệt cỏ, thuốc chống nảy mầm và thuốc điều chỉnh sự phát triển của cây:	
3808	30	10	-- Thuốc diệt cỏ	1
3808	30	20	-- Thuốc chống nảy mầm	0
3808	30	30	-- Thuốc điều chỉnh sự phát triển	0
3808	40	00	-- Thuốc khử trùng	0
3808	90		- Loại khác:	
3808	90	10	-- Thuốc bảo quản gỗ	1
3808	90	20	-- Thuốc diệt chuột	1
3808	90	90	-- Loại khác	1